

Số: 75/2022/QĐST-VDS

B, ngày 31 tháng 08 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Phúc Thịnh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Phương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên họp:
Bà Đào Thanh Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 32/2022/TLST-VDS ngày 08 tháng 04 năm 2012 về việc Tuyên bố một người mất tích theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 29/2022/QĐST-VDS ngày 16 tháng 08 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

+ *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Phùng Văn T, sinh năm: 1979;

+ *Người bị yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Phùng Thị P, sinh năm: 1979;

Cùng HKTT: Thôn Chu Mật, xã TH, huyện B, thành phố Hà Nội.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Cháu Phùng Tuấn L, sinh năm: 2000;

Địa chỉ: Thôn Chu Mật, xã TH, huyện B, thành phố Hà Nội.

(Anh T, cháu L đều có mặt)

+ *Việc yêu cầu*: Yêu cầu tuyên bố chị Phùng Thị P, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Thôn Chu Mật, xã TH, huyện B, thành phố Hà Nội. Mất tích.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Những vấn đề cụ thể anh Phùng Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Anh Phùng Văn T và chị Phùng Thị P có quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện B, tỉnh Hà Tây (Nay là thành phố Hà Nội) ngày 02/01/1999. Sau khi kết hôn chúng tôi về ở với nhau ngay và sống tại nhà bố mẹ tôi. Đến năm 2010 khi đó thì tôi đang đi làm ăn tại Hà Nội, hàng tháng tôi có về thăm vợ con một lần. Trong quá trình chung sống chúng tôi không có mâu thuẫn gì. Đến ngày 19/4/2010 trong khi tôi đi làm ăn ở Hà Nội thì chị Phùng Thị P ở nhà tự bỏ nhà đi và không thông báo cho ai biết. Khi không thấy chị P có mặt ở nhà nên gia đình tôi đã thông báo cho tôi biết và tôi trở về nhà và đi tìm kiếm chị P khắp nơi nhưng không thấy. Tôi đã hỏi thăm nhà ngoại và anh chị em trong gia đình nhưng không thấy chị P. Sau đó tôi đã đến trình báo chính quyền địa phương để tìm kiếm chị P nhưng không có kết quả, chị P bỏ đi từ ngày 19/4/2010 cho đến nay gia đình không có tin tức gì. Nay anh Phùng Văn T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B tuyên bố chị Phùng Thị P mất tích.

Về tài sản riêng: Không có.

Về tài sản chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Phùng Tuấn L trình bày: Tôi là con của bố Phùng Văn T và mẹ Phùng Thị P. Năm 2010 thì mẹ tôi bỏ nhà đi, khi đó tôi vẫn còn nhỏ nên cũng không nhớ rõ mẹ đi đâu. Tôi chỉ biết khi mẹ tôi bỏ đi thì bố tôi ở nhà tìm kiếm mẹ tôi và ở cả nhà anh chị em của mẹ tôi nhưng không có kết quả. Sau đó bố tôi có ra trình báo với chính quyền địa phương để tìm kiếm mẹ tôi nhưng không có kết quả. Từ đó đến nay mẹ tôi không liên lạc gì về cho tôi. Nay bố tôi là ông Phùng Văn T có làm đơn tuyên bố mẹ tôi là bà Phùng Thị P mất tích thì tôi hoàn toàn nhất trí. Tôi đề nghị Tòa án tuyên bố mẹ tôi mất tích. Khi mẹ tôi bỏ đi mẹ tôi không để lại bất cứ tài sản gì cho bố con tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội nhận định: Anh Phùng Văn T và chị Phùng Thị P có quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện B, tỉnh Hà Tây (Nay là thành phố Hà Nội) ngày 02/01/1999. Trong quá trình chung sống, anh Phùng Văn T và chị Phùng Thị P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị Phùng Thị P đã bỏ nhà đi biệt tích từ ngày 19/4/2010 đến nay, gia đình, người thân, chính quyền địa phương đều không có thông tin, địa chỉ của chị P, không có tin tức, không biết chị P còn sống hay đã chết. Anh Phùng Văn T và gia đình đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không có thông tin gì về chị P. Quá trình giải quyết, TAND huyện B đã tiến hành xác minh tại Công an xã TH xác nhận: Chị Phùng Thị P, sinh năm: 1979. Hộ khẩu thường trú: Thôn Chu Mật, xã TH, huyện B, Hà Nội. Hiện nay chị P không có mặt tại địa phương. Hiện nay chị P đang làm gì ở đâu chúng tôi không biết. Ngày 12/4/2022 Tòa án nhân dân huyện B đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích để thông báo lên phương tiện thông tin đại chúng 3 số liên tiếp như: Đài tiếng nói Việt Nam; Báo Công lý các ngày 19/4/2022; 22/4/2022; 26/4/2022; Trang điện tử thông tin của ngành Tòa án tìm kiếm chị Phùng Thị P. Đến nay đã hết thời hạn thông báo tìm kiếm theo quy định tại khoản 2, Điều 338 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức gì về chị P.

Tại phiên họp hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu của anh Phùng Văn T, tuyên bố chị Phùng Thị P mất tích.

Như vậy, từ các căn cứ và nhận định trên có đủ cơ sở để xác định chị Phùng Thị P nơi cư trú cuối cùng: Thôn Chu Mật, xã TH, huyện B thành phố Hà Nội bỏ đi biệt tích từ ngày 19/4/2010 đến nay không có tin tức, địa chỉ gì. Việc yêu cầu của anh Phùng Văn T tuyên bố chị Phùng Thị P mất tích là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 1, Điều 68 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Về lệ phí: Anh Phùng Văn T phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 27, điểm a, khoản 2, Điều 35, Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 388 và Điều 389 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 68 của Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố một người mất tích của Anh Phùng Văn T. Tuyên bố: Chị Phùng Thị P, sinh năm 1979. HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Thôn Chu Mật, xã TH, huyện B, thành phố Hà Nội. Mất tích.

Về tài sản chung: Chưa giải quyết.

2/. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Phùng Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà anh T đã nộp theo biên lai số 0060135 ngày 8/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, thành phố Hà Nội

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày Quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;

- VKSND huyện B;

- Dương sự;

- Chi cục THA DS huyện B;

- Lưu HS vụ việc.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Phúc Thịnh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”.

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm.....”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỢP**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”